TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **92**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 7 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Chu Thái Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân**:***

Ông Phạm Hồng Thái

Ông Nguyễn Văn Chuyết

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện VKSND huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Q Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2018/TLST-HNGĐ ngày 19/4/2018 về việc xin ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/6/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q - Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Đ, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1976.

Địa chỉ: Đ, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt chị Q. Vắng mặt anh T (Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 05/4/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 02/01/2000 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường một thời gian, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Đến tháng 5/2017 vợ chồng đã sống ly

thân, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau nên làm đơn xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thanh T - Sinh ngày 01/02/2001 và Nguyễn Thị Mai A - Sinh ngày 03/5/2011. Chị nhận nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02/5/2018 và tại biên bản hòa giải, bị đơn là anh Nguyễn Văn T có ý kiến như sau:

Anh xác định thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân và con chung đúng như chị Q trình bày. Theo anh, vợ chồng có những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nhưng là những mâu thuẫn nhỏ, anh vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh đồng ý để chị Q nuôi dưỡng hai con chung và đề nghị được thăm nom con chung sau khi ly hôn. Về tài sản, công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị Q: Vẫn giữ nguyên quan điểm như trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS.

Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn mặc dù đã có mặt, viết bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra vào giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, đã vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai là đúng quy định tại Điều 227; 233 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị Q, anh T đã sống ly thân từ lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Nguyễn Thị Q.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị Q, chấp nhận sự tự nguyện của chị Q về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Q phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, anh Nguyễn Văn T đã có Bản tự khai và tham gia phiên họp kiểm tra vào giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T không nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt anh T là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 02/01/2000 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống và đã sống ly thân từ tháng 5/2017. Nay chị Q có đơn xin ly hôn.

Sau khi chị Q có đơn khởi kiện xin ly hôn, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị Q cho anh T và các bên đương sự đã có mặt để tham gia hòa giải.

Chị Q và anh T đều thừa nhận giữa hai bên đã có những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân. Anh T xác định chỉ là mâu thuẫn nhỏ nên không đồng ý ly hôn, còn theo chị Q thì nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên không thể đoàn tụ được.

HĐXX xét thấy: Giữa chị Q và anh T đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, hai bên đã sống ly thân từ tháng 5/2017 không ai quan tâm đến ai và anh T cũng đồng ý để chị Q nuôi dưỡng hai con chung khi ly hôn. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, anh T cũng không hợp tác với Tòa án để tiến hành hòa giải, tại phiên tòa, chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Như vậy, tình cảm giữa chị Q và anh T không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau, quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc chị Q xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thanh T - Sinh ngày 01/02/2001 và Nguyễn Thị Mai A - Sinh ngày 03/5/2011.

Xét yêu cầu của chị Q về việc nhận nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con HĐXX thấy:

Tại biên bản hòa giải ngày 30/5/2018, anh T đồng ý để chị Q nuôi dưỡng hai con chung. Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về việc nhận nuôi con chung. HĐXX căn cứ vào nguyện vọng của con chung và để đảm bảo việc học tập, chăm sóc giáo dục con chung của vợ chồng nên giao cho chị Q có trách nhiệm nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Việc chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng không thể hiện chị Q và anh T có tài sản, khoản nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Q nộp theo quy định của pháp luật.

Các vấn đề khác đương sự không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Q có trách nhiệm nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thanh T - Sinh ngày 01/02/2001 và Nguyễn Thị Mai A - Sinh ngày 03/5/2011.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Q về việc không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Q phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ tại biên lai thu tiền số 04699 ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trực Ninh. Chị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã P;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Chu Thái Hà